

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **254/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tiến Hào
2. Bà Hà Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50b/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị V, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: thôn 6 Đô Thượng, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Anh Lèng Văn H, sinh năm 1981;

Trú tại: thôn 4, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị V trình bày:

Chị và anh Lèng Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/02/2001, được sự đồng ý của hai bên gia đình bố mẹ họ hàng đã có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn sinh sống tại thôn 4, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình

không hợp nhau, không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau, anh H thường xuyên chửi mắng xúc phạm chị và xúc phạm cả bố mẹ chị, chị đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn 6 Đô Thượng, xã X, huyện Y từ năm 2022 cho tới nay và đó cũng là thời gian anh chị sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau. Nay chị xác định cuộc sống của hai vợ chồng không thể hàn gắn kéo dài thêm được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lèng Văn H.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Lèng Duy H, sinh ngày 29/10/2004; Lèng Thị Trà M, sinh ngày 19/3/2010 và Lèng Thị Quỳnh G, sinh ngày 07/4/2011, hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cháu Lèng Duy H đã đủ tuổi trưởng thành hiện nay đang tham gia nghĩa vụ quân sự, khi ly hôn chị không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Lèng Thị Trà M và cháu Lèng Thị Quỳnh G, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con hoặc tùy theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Nếu chị nuôi cả hai con, chị đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Q G, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lèng Văn H trình bày:

Anh và chị Triệu Thị V đăng ký kết hôn ngày 13/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 4, xã Q, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị V đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lèng Duy H, sinh ngày 29/10/2004, cháu Lèng Thị Trà M, sinh ngày 19/3/2010 và cháu Lèng Thị Quỳnh G, sinh ngày 07/4/2011. Cháu Lèng Duy H đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Hiện nay cháu Lèng Thị Trà M và cháu Lèng Thị Quỳnh G đang sống cùng với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: anh H xác định anh chị không có vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi*

con khi ly hôn” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, xử cho chị Triệu Thị V được ly hôn với anh Lèng Văn H. Về con chung: Giao cháu Lèng Thị Trà M, sinh ngày 19/3/2010 và cháu Lèng Thị Quỳnh G, sinh ngày 07/4/2011 cho chị Triệu Thị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lèng Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lèng Thị Quỳnh G, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ 1 tháng. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí, chị Triệu Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Lèng Văn H hiện đang cư trú tại xã Q, huyện Y. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị V về việc đề nghị giải quyết ly hôn với anh Lèng Văn H, HĐXX nhận định:

Căn cứ vào các tài liệu thu thập thể hiện chị Triệu Thị V và anh Lèng Văn H đăng ký kết hôn ngày 13/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, quan hệ hôn nhân xác định hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn 4, xã Q, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, chị V đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 6 Đô Thượng, xã X ở từ năm 2022 đến nay. Nay chị V, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Do đó,

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V xử cho chị V được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu giao nuôi con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận định: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh H chị V có 03 con chung là cháu Lèng Duy H, sinh ngày 29/10/2004, cháu Lèng Thị Trà M, sinh ngày 19/3/2010 và cháu Lèng Thị Quỳnh G, sinh ngày 07/4/2011. Cháu Lèng Duy H đã trưởng thành, có khả năng lao động, anh chị không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Lèng Thị Trà M và cháu Lèng Thị Quỳnh G đang sống cùng với anh H, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. HĐXX xét thấy:

Về điều kiện chỗ ở, thu nhập, nhân thân, phẩm chất đạo đức đảm bảo việc nuôi con chung: hiện tại chị V đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thôn 6 Đô Thượng, xã X, anh H ở trên nhà tạm dựng trên đất của bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Q. Anh H và cháu Hưng, cháu M, cháu G là hộ gia đình riêng do anh H là chủ hộ. Về thu nhập, anh H và chị V đều là lao động tự do làm thuê, thu nhập bình quân 200.000 đồng/ngày (6.000.000đ/tháng). Như vậy về điều kiện chỗ ở, thu nhập anh H và chị V đều như nhau, đảm bảo để nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại mặc dù cả hai cháu đang ở cùng anh H nhưng các cháu đều có nguyện vọng được về sống cùng chị V. Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý, chăm sóc gia đình và trẻ em tại địa phương có ý kiến: cháu M và cháu G đều là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy Tòa án nên giao cả hai cháu cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp. Trên cơ sở các tài liệu thu thập, HĐXX xét thấy, tuy hiện tại chị V không trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu G, nhưng chị V vẫn thường xuyên quan tâm, thăm nom chăm sóc các con, nội dung này được chính các con của chị thừa nhận. Mặt khác cháu M và cháu G đều là con gái, đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, sự chỉ bảo, chăm sóc kỹ năng sống trực tiếp của người mẹ là rất cần thiết. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, HĐXX thấy cần giao cả hai cháu cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng: do anh H và chị V đều có thu nhập ngang nhau, anh H thu nhập bình quân 6.000.000đ/ tháng. Chị V nuôi cả hai con nên việc chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với một người con là cháu Q G có căn cứ chấp nhận. HĐXX cần buộc anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu G, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ 1 tháng. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 đến khi cháu G đủ 18 tuổi theo như đề nghị của chị V là phù hợp. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

6] Về tài sản, đất đai chung: Chị V và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về công nợ chung: Chị V và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lèng Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị V được ly hôn với anh Lèng Văn H.

3. Về con chung: Giao cháu Lèng Thị Trà M, sinh ngày 19/3/2010 và cháu Lèng Thị Quỳnh G, sinh ngày 07/4/2011 cho chị Triệu Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lèng Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lèng Thị Quỳnh G, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ 1 tháng (*Hai triệu đồng/ một tháng*). Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006209 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lèng Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị V và anh Lèng Văn H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Q (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ Hà Thị Vinh

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Thắng – Đặng Thị Huệ

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND phường Tân Quang (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

